

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự Do – Hạnh phúc**

Bản án số: 3565/2023/LĐ-ST

Ngày: 08/9/2023

V/v: Tranh chấp đơn phương chấm
dứt hợp đồng lao động, tiền bảo
hiểm xã hội.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ
MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Hoài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Quốc Hưng.
2. Bà Nguyễn Hương Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Ngọc Bích** – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 62/2022/TLST – LĐ, về việc Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, tiền bảo hiểm xã hội theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4739/2023/QĐXXST- DS ngày 01 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 5346/2023/Q ĐST – DS ngày 21 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Huỳnh Tư H**, sinh năm: 1991;

Địa chỉ: **C C, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Bị đơn: **Công ty TNHH T.**

Địa chỉ trụ sở: **68 đường B, S, Khu đô thị S, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà **Lê Thị Bạch H1**, sinh năm: 1997, địa chỉ: **F Đường B, Saritown Khu đô thị S, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh** (Giấy ủy quyền ngày 22/12/2022).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông **Huỳnh Tư H** có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng tại Đơn khởi kiện đề ngày 13/10/2022, các bản tự khai, biên bản làm việc, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án có lời khai trình bày:

Ngày 01/5/2022, ông và **Công ty TNHH T** (gọi tắt là **Công ty T**) ký hợp đồng lao động nhưng ghi là hợp đồng dịch vụ số 15/2022/CTH – HDDV, thời hạn từ ngày 01/5/2022 đến ngày 01/5/2023, chức danh chuyên môn: Chuyên viên **M**, công việc phải làm: Chi tiết công việc theo sự phân công của lãnh đạo Công ty trong bản mô tả công việc.

Ngày 25/8/2022, ông được nhân sự Công ty thông báo cho ông thôi việc vào cuối tháng 8 với lý do không đáp ứng công việc sắp tới theo đánh giá của Trưởng phòng Marketing.

Ngày 31/8/2022, ông nhận được Quyết định cho thôi việc số 13/CTH – QĐ/2022 ngày 30/8/2022 với lý do: Không đáp ứng theo yêu cầu công việc hiện tại của Công ty theo Phiếu đánh giá kết quả công việc của Trưởng phòng Marketing ngày 25/8/2022. Ngoài ra, Công ty không cung cấp cho ông bất kỳ giấy tờ nào chứng minh lý do trên. Công ty đã vi phạm thời gian báo trước và các lý do thôi việc rất mâu thuẫn không thống nhất. Những lý do Công ty đơn phương quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với ông cũng trái pháp luật như công việc chuyên môn của ông là SEO Website nhưng ông vừa thiết kế Website, vừa quản trị và viết nội dung khi công ty chưa có nhân sự viết nội dung. Công việc chuyên môn của ông thì yêu cầu ông **S** thủ công hoàn toàn. Ngoài ra, Công ty còn yêu cầu ông **Seo Fanpage F**, SEO youtube, SEO Google Map.... Và đặt ra những yêu cầu không phải là công việc chuyên môn của ông. Ông bắt đầu đi làm công việc mới từ tháng 8 năm 2023.

Ông **H** yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức giải quyết:

1. Hủy quyết định cho thôi việc số 13/CTH-QĐ/2022 ngày 30/08/2022 của **Công ty TNHH T** do trái pháp luật.

2. Yêu cầu **Công ty TNHH T** bồi thường số tiền, cụ thể: Tiền lương trong những ngày không được làm việc tính trong tháng 9 là 12.000.000 (mười hai triệu) đồng và đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Không yêu cầu tính tiền lương trong những ngày ông **H** không được làm việc từ tháng 10 đến hết thời hạn lao động là tháng 4 năm 2023. Khoản tiền ít nhất bằng 02 tháng tiền lương theo hợp đồng là 24.000.000 (hai mươi bốn triệu) đồng.

Ông **H** rút 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu: Buộc bị đơn trợ cấp thôi việc khi chấm dứt hợp đồng với số tiền là 9.500.000 (chín triệu, năm trăm nghìn) đồng. Khoản tiền tương ứng với tiền lương theo hợp đồng trong những ngày không được báo trước (24 ngày) là 11.000.000 (mười một triệu) đồng.

Ngoài ra, phía Công ty TNHH T sẽ chịu hoàn toàn án phí và các chi phí phát sinh nếu có.

Bị đơn Công ty TNHH T ủy quyền bà Lê Thị Bạch H1 vắng mặt nhưng có bản tự khai trình bày: Hợp đồng giữa T và ông Huỳnh Tư H là hợp đồng dịch vụ căn cứ theo Bộ luật dân sự năm 2015, có thỏa thuận rõ ràng về việc “Người sử dụng lao động có quyền chấm dứt hợp đồng nêu trên nếu người lao động không đáp ứng yêu cầu công việc” (gạch đầu dòng thứ ba, thuộc Điều 1 – Hợp đồng dịch vụ). Theo thỏa thuận trong hợp đồng dịch vụ trên hai bên thống nhất không có điều khoản về tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp).

Quy trình chấm dứt hợp đồng lao động với ông Huỳnh Tư H trải qua ba bước: Cuộc họp nội bộ đầu tháng 8 giữa Ban giám đốc, ông Huỳnh Tư H và quản lý trực tiếp chuyên môn đã thông báo đến ông H việc đánh giá kết quả làm việc hạn là ngày 15/8 nếu không đạt sẽ ngưng hợp tác, ông Hòa đồng ý.

Ngày 15/8, ông Ngô Phương L họp nội bộ và gia hạn đánh giá kết quả với ông H thêm 7 ngày và được ông Hòa đồng ý.

Ngày 25/8, công ty nhận được phiếu đánh giá kết quả công việc của ông L về việc ông Huỳnh Tư H không đáp ứng yêu cầu công việc nên công ty có thông báo sẽ chấm dứt hợp tác với ông H từ ngày 31/8. Phía Công ty có ghi âm lại cuộc trao đổi ông H thừa nhận việc đã nhận được thông báo đánh giá kết quả công việc và chấp nhận làm thử nếu không được thì ngưng hợp tác. Tuy nhiên, khi tiến hành thủ tục chấm dứt hợp đồng dịch vụ trên theo đúng quy trình và thỏa thuận theo hợp đồng mà hai bên đã ký thì ông Huỳnh Tư H khởi kiện công ty “Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”. Đây là điều không hợp lý. Phía Công ty T từ chối giải quyết những yêu cầu vô lý không thỏa thuận trong hợp đồng mà ông H nêu trong đơn khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Theo những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy nguyên đơn ông Huỳnh Tư H yêu cầu Công ty TNHH T về việc tuyên hủy quyết định cho thôi việc số 13/CTH-QĐ/2022 ngày 30/08/2022 của Công ty TNHH T do trái pháp luật là có căn cứ. Buộc Công ty TNHH T thanh toán tiền lương trong những ngày không được làm việc tính trong tháng 9 là 12.000.000 (mười hai triệu) đồng và khoản tiền ít nhất bằng 02 tháng tiền lương theo hợp đồng là 24.000.000 (hai mươi bốn triệu) đồng. Tổng cộng là 36.000.000 đồng (ba mươi sáu triệu đồng).

Buộc Công ty TNHH T phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho ông Huỳnh Tư H từ tháng 5 năm 2022 đến hết tháng 9 năm 2022 theo quy định của pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Huỳnh Tư H không yêu cầu tính tiền lương trong những ngày ông H làm việc từ tháng 10 đến khi kết thúc hợp đồng (tháng 4 năm 2023).

Đình chỉ xét xử đối với việc rút 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Tư H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp giữa ông Huỳnh Tư H và Công ty T là tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, tiền bảo hiểm. Căn cứ điểm a, d, khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đây là tranh chấp về lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, bị đơn Công ty T có trụ sở tại thành phố T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã tiến hành tổng đạt trực tiếp và niêm yết các văn bản tố tụng tại địa chỉ F đường B, S, Khu đô thị S, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; Trụ sở Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, yêu cầu các bên có mặt tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức vào lúc 14 giờ ngày 21/8/2023 và lúc 14 giờ ngày 08/9/2023. Tuy nhiên, bị đơn Công ty TNHH T ủy quyền bà Lê Thị Bạch H1 vắng mặt không lý do. Nguyên đơn ông Huỳnh Tư H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

Đối với yêu cầu tuyên hủy Quyết định cho thôi việc số 13/CTH-QĐ/2022 ngày 30/08/2022 của Công ty T do trái pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng dịch vụ số 15/2022/CTH – HĐDV ngày 01/5/2022 giữa ông H và Công ty T, hai bên có thỏa thuận về thời hạn từ ngày 01/5/2022 đến ngày 01/5/2023, công việc, mức lương, địa điểm làm việc, thời gian làm việc, ngày nghỉ, mức lương, phụ cấp, chế độ phúc lợi, quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động và người lao động. Căn cứ Điều 13 Bộ luật lao động năm 2019 thì hợp đồng dịch vụ số 15/2022/CTH – HĐDV ngày 01/5/2022 giữa ông H và Công ty T là hợp đồng lao động và là hợp đồng lao động có thời hạn 01 năm. Do đó, đại diện ủy quyền của bị đơn cho rằng đây là hợp đồng dịch vụ theo Bộ luật dân sự năm 2015 là không có cơ sở.

Đối với Quyết định cho thôi việc số 13/CTH-QĐ/2022 ngày 30/08/2022 của Công ty T. Tại Quyết định cho thôi việc nói trên có ghi lý do: Không đáp ứng theo yêu cầu công việc hiện tại của Công ty theo phiếu đánh giá kết quả công việc của Trưởng phòng Marketing ngày 25/8/2022. Phía bị đơn có bà Lê Thị Bạch H1 là đại diện theo ủy quyền có lời khai: Cuộc họp nội bộ đầu tháng 8 giữa Ban giám đốc, ông Huỳnh Tư H và quản lý trực tiếp chuyên môn đã thông báo đến ông H việc đánh giá kết quả làm việc hạn là ngày 15 tháng 8. Ngày 30/8/2022, Công ty T đã ban hành Quyết định cho thôi việc nói trên. Như vậy, Công ty T đã vi phạm điểm a khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 36 Bộ luật Lao động năm 2019 về thời hạn báo trước cho người lao động nên Quyết định cho thôi việc số 13/CTH-QĐ/2022 ngày 30/08/2022 của Công ty TNHH T là trái pháp luật. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Huỳnh Tư H về việc Hủy Quyết định cho thôi việc số 13/CTH-QĐ/2022 ngày 30/08/2022 của Công ty TNHH T do trái pháp luật. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức là có cơ sở.

Đối với yêu cầu buộc bị đơn trả tiền lương trong những ngày không được làm việc tính trong tháng 9 là 12.000.000 (mười hai triệu) đồng và bồi thường 02 tháng tiền lương là 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng), Hội đồng xét xử xét thấy: Do Quyết định cho thôi việc số 13/CTH-QĐ/2022 ngày 30/08/2022 của Công ty TNHH T trái pháp luật. Tại mục 3.1.2 Điều 3 của hợp đồng dịch vụ số 15/2022/CTH-HĐDV ngày 01/5/2022, hai bên thỏa thuận mức lương chính 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng). Căn cứ Điều 41 Bộ luật lao động năm 2019, yêu cầu buộc Công ty T trả lương cho những ngày ông H không làm việc là tháng 9 năm 2022 với mức lương 12.000.000 đồng và bồi thường 02 tháng tiền lương với số tiền 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu) là có cơ sở. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức là có cơ sở.

Đối với yêu cầu buộc bị đơn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại công văn số 904/BHXXH – THU ngày 26/4/2023 của Cơ quan Bảo hiểm Xã hội thành phố T xác định: Công ty TNHH T không đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho ông Huỳnh Tư H

Theo quy định tại Điều 18 Luật bảo hiểm xã hội:

“1. Người sử dụng lao động có các trách nhiệm sau đây:

a) Đóng bảo hiểm xã hội theo quy định tại Điều 92 và hàng tháng trích từ tiền lương, tiền công của người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Luật này để đóng cùng một lúc vào quỹ bảo hiểm xã hội...

...c) Trả sổ bảo hiểm xã hội cho người lao động khi người đó không còn làm việc”.

Vì vậy, Hội đồng xét xử có đầy đủ cơ sở để xác định Công ty T phải có trách nhiệm đóng tiền bảo hiểm cho ông H từ tháng 5 năm 2022 đến tháng 09 năm 2022 dựa trên mức lương 12.000.000 đồng/tháng và buộc Công ty T phải liên hệ với Cơ

quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để đóng đầy đủ các khoản tiền bảo hiểm, chốt sổ bảo hiểm và hoàn trả sổ bảo hiểm cho ông H theo quy định của pháp luật. Đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức là phù hợp quy định của pháp luật.

Nguyên đơn ông H không yêu cầu bị đơn trả tiền lương trong những ngày ông H không được làm việc từ tháng 10 đến hết hạn hợp đồng lao động, Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên ghi nhận sự tự nguyện của ông H về việc không yêu cầu Công ty T trả tiền lương trong những ngày ông H không được làm việc từ tháng 10 năm 2022 đến hết thời hạn hợp đồng lao động là tháng 4 năm 2023.

Đối với yêu cầu của ông H về việc rút 01 phần yêu cầu khởi kiện buộc Công ty T trả trợ cấp thôi việc khi chấm dứt hợp đồng với số tiền 9.500.000 (chín triệu, năm trăm nghìn) đồng. Khoản tiền tương ứng với tiền lương theo hợp đồng trong những ngày không được báo trước (24 ngày) là 11.000.000 (mười một triệu) đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc rút 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện. Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức là có cơ sở và phù hợp pháp luật nên được chấp nhận. Căn cứ vào khoản 2 Điều 219 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[3] Về án phí lao động sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn ông H được chấp nhận nên Công ty T phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a, d, khoản 1 Điều 32; điểm c, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Khoản 2 Điều 219; Điều 220; khoản 2 Điều 24; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 13; điểm a khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 36; Điều 41 Bộ luật Lao động năm 2019;

- Căn cứ Điều 18 Luật Bảo hiểm xã hội;

- Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật Thi hành án dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Tư H:

Hủy Quyết định cho thôi việc số 13/CTH-QĐ/2022 ngày 30/08/2022 của Công ty TNHH T.

Buộc Công ty TNHH T trả cho ông Huỳnh Tư H tổng cộng số tiền là 36.000.000 đồng (ba mươi sáu triệu đồng) bao gồm: Tiền lương trong những ngày không được làm việc tính trong tháng 9 năm 2022 là 12.000.000 (mười hai triệu) đồng và bồi thường 02 tháng tiền lương là 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng).

Buộc Công ty TNHH T phải liên hệ với Cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để đóng đầy đủ tiền bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho ông Huỳnh Tư H trong thời gian từ tháng 5 năm 2022 đến tháng 09 năm 2022 trên cơ sở mức lương 12.000.000 (mười hai triệu đồng) theo quy định của pháp luật.

Các bên thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày ông Huỳnh Tư H có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty TNHH T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả số tiền nói trên thì hàng tháng Công ty TNHH T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền tính trên nghĩa vụ chi trả. Nếu các bên không có thỏa thuận thì lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn qui định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn ông Huỳnh Tư H không yêu cầu Công ty TNHH T trả tiền lương trong những ngày ông H không được làm việc từ tháng 10 năm 2022 đến hết tháng 4 năm 2022.

2. Về án phí lao động sơ thẩm:

Công ty TNHH T phải chịu án phí sơ thẩm là 1.080.000 (một triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo:

Công ty TNHH T và ông Huỳnh Tư H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc được niêm yết bản án hợp lệ;

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hà Thị Hoài